

ISSN 0866-7349

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG  
THE NATIONAL COUNCIL FOR THEORY AND CRITICISM OF LITERATURE AND ARTS

*Lý luận  
Phê bình  
Văn học - Nghệ thuật*

*Theory  
and Criticism  
of Literature and Arts*

2020. **1**



# MỤC LỤC

Chúc mừng Xuân Canh Tý 2020 3

## NGHIÊN CỨU, TRAO ĐỔI

NGUYỄN THẾ KỶ 4	57	NGUYỄN XUÂN HÒA
Tin yêu bước vào mùa xuân mới		Thơ Nguyễn Đình Thi - sự cô đặc tư duy từ cuộc sống
PHONG LÊ 8	62	NGUYỄN THANH TÚ
Nguyễn Du và “Truyện Kiều” – giá trị trường tồn của văn hóa Việt, văn chương Việt, ngôn ngữ Việt		Rèn luyện, bồi dưỡng tư tưởng thẩm mỹ để nâng cao chất lượng phê bình văn học
ĐOÀN ĐỨC PHƯƠNG 18	67	MAXIM ZAMSHOV
Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật		Phê bình nghệ thuật là gì?
TRẦN THỊ VIỆT TRUNG 30	73	CAO THỊ HỒNG
“Chuyện tình Khau Vai” dưới góc nhìn văn hóa		Phê bình văn học Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, phát triển – nhìn từ đội ngũ phê bình
NGUYỄN KIM CHÂU 39	80	TRẦN QUỐC DŨNG
Kiểu hình người đọc tri âm trong thưởng thức, phê bình thơ ca Việt Nam thời trung đại		Văn hóa nhiếp ảnh – một góc nhìn
NGUYỄN THỊ NAM 46	92	MINH PHƯƠNG
Từ những bộ phim Việt Nam ăn khách nghĩ về khán giả và những người làm phim		Điện ảnh Việt Nam trước những thách thức của quá trình hội nhập quốc tế

## TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

ANH CHI 97	110	TẠ HOÀNG ANH
Có một “chiếc võng thơ” Huy Cận		Đạo diễn Thanh Vân và nghệ thuật khai thác tâm lý nhân vật
LƯU KHÁNH THƠ 103	116	ĐỖ HOÀNG
Viết từ sự đúc rút và trải nghiệm		Nhà thơ Trần Quang Đạo người “bay trong mơ”
MAI NAM THẮNG 106		
“Tam đoạn rành rang” với Nguyễn Trọng Hoàn		

## VĂN NGHỆ NƯỚC NGOÀI

BÙI THẾ ĐỨC 119	123	NGUYỄN THỊ MAI CHANH
Đọc lại các tác phẩm viết về chiến tranh của V. Bucov và B. Vaxiliev để bàn về khám phá nghệ thuật trong thế giới nhân vật		Thời kỳ hồi sinh của văn học Trung Quốc (1976-1990)



# Kiểu hình người đọc tri âm trong thưởng thức, phê bình thơ ca Việt Nam thời Trung Đại

◆ PGS.TS. NGUYỄN KIM CHÂU

Với người xưa, sáng tác thơ ca vừa là một hoạt động tinh thần đậm chất cao nhã, vừa là sự phát tiết của năng thái thăng hoa kỳ diệu được kích hoạt bởi khoảnh khắc thần hứng, linh hứng hay hững thôi thúc mãnh liệt trong tâm hồn. Tác phẩm thơ ca, sản phẩm của quá trình sáng tác mang màu sắc linh diệu đó hẳn nhiên cũng phải mang những ý nghĩa, giá trị vượt ra ngoài năng lực cảm nhận, đánh giá thông thường. Nó có vẻ đẹp của thứ màu sắc ngoài mọi màu sắc, không thể nắm bắt bằng con mắt thông thường", của mùi vị ở ngoài mọi mùi vị, không thể nắm bắt bằng khẩu vị thông thường". Vì lẽ đó, muốn tìm được một người đọc có thể "nhìn ra cái màu sắc ấy, nghiệm ra cái mùi vị ấy" Hoàng Đức Lương, Tựa *Trích điểm thi tập*<sup>1</sup>, lẽ có được sự đồng điệu, tương thông sâu sắc với tác giả quả là hết sức khó khăn. Tài hoa cỡ Đỗ Phủ mà còn sợ thơ mình làm ra "chỉ có tác lòng mình biết" (Đặc thất thốn âm tri - *Ngẫu đề*); khổ nhọc "thôi xao" chữ nghĩa như Giả Đảo đến mức ba năm mới làm xong hai câu thơ (Nhị cú tam niên đắc - *Tuyệt cú*) mà còn lo chẳng có người thưởng thức thì số người cảm nhận được vẻ đẹp, ý nghĩa gửi gắm trong tác phẩm và qua đó, thấu hiểu tài năng, tấm lòng của tác giả chắc hẳn phải hết sức hiếm hoi, quý giá, kiểu

như may lắm mới có một Tử Kỳ có thể hiểu và chia sẻ được với tâm sự của Bá Nha qua tiếng đàn. Đúng như Trần Cao Đệ - chí sĩ phong trào Cần Vương - từng cảm thán: "Văn chương thực khó thay! Người viết đã khó, người đọc lại càng khó... Phương chi là kẻ vừa đọc lại vừa bình" (*Thư trả lời Thái Bình phân phủ Đồng Hoàng Nguyễn Phó bảng*). Cái khó của việc tìm cho ra người có thể đọc thơ và bình thơ một cách chân tình, tinh tế, xác đáng đã khiến cho các thi nhân thời trung đại thường hướng tới một kiểu hình người đọc được đề cập một cách phổ biến trong quan niệm thơ xưa: Người đọc tri âm.

Trong văn học cổ điển Trung Hoa, số lượng phong phú các tác phẩm thi thoại là minh chứng hùng hồn cho thấy mức độ phổ biến rộng rãi các tác phẩm thơ ca cũng như sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực phê bình thơ ca gắn liền với lực lượng các nhà phê bình khá hùng hậu và ít nhiều đã có ý thức về một công việc có tính chất chuyên nghiệp. Trong khi đó, ở Việt Nam thời trung đại, tình hình có phần khác biệt. Nạn binh lửa đầu thế kỷ XV khiến cho tác phẩm thơ ca thời Lý- Trần, thời kỳ hưng thịnh của thơ chữ Hán, số thì bị thiêu hủy, số thì bị thất truyền, mất mát, gây không ít khó khăn cho hậu thế khi cố gắng gom góp, sưu tầm để



thực hiện những bộ sách có tính chất bảo tồn giá trị văn chương một thời rất đáng tự hào của người Việt. Điều kiện in ấn cực kỳ hạn chế, lại bị chi phối bởi sự kiểm duyệt khá ngặt nghèo của quyền lực các vương triều khiến cho tầm phổ biến tác phẩm thơ ca hầu như hết sức hạn hẹp. Xu hướng đề cao sáng tác văn chương như là một sinh hoạt văn hóa đậm chất cao nhã khiến cho người làm thơ, dù “lúc bình sinh nhiều có đến mấy nghìn bài” nhưng “không có ý trước thuật nên khó có khi nào thấy được đầy đủ” (Thái Khác, *Tựa Lã Đường di cáo*). Họ thường ít có nhu cầu giới thiệu tác phẩm của mình một cách rộng rãi mà chủ yếu để dành cho mình tự thưởng thức hay mở rộng hơn một chút là dạy bảo cho con cháu và các học trò. Trong môi trường văn chương cung đình, xướng họa, thưởng thức thơ văn là một hoạt động có tính chất khép kín trong phạm vi vua tôi với định hướng chủ yếu là xưng tụng, tán dương. Thực tế đó đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là lĩnh vực thưởng thức, phê bình thơ ca không thể có được sự phát triển phong phú, đa dạng vì không có sự phổ biến rộng rãi tác phẩm; không có số lượng người đọc đủ lớn và đa dạng để thu nhận những phản hồi đa chiều; không thể hình thành được một lực lượng phê bình thực sự, có vai trò đánh giá, thẩm định một cách khách quan, vừa toàn diện, vừa cụ thể về giá trị, chất lượng nghệ thuật của các thi tập, thi lục, thi tuyển... và vì vậy mà loại tác phẩm có nội dung chuyên biệt bình phẩm thơ ca kiểu như *Thương Sơn thi thoại* của Nguyễn Phúc Miên Thẩm chỉ là một trong vài hiện tượng hiếm hoi trên thi đàn.

Trong tình hình đó, nhà thơ Việt Nam thời trung đại chỉ còn biết “chọn mặt gửi vàng” ở một vài người bạn có tâm hồn đồng điệu. Số người đọc hiếm hoi này, phần lớn cũng là những nhà thơ, những người bạn thân thiết được tác giả tập thơ quý mến, trân trọng, tin tưởng, sẵn lòng chia sẻ, gửi gắm đưa con tinh thần của mình với mong muốn có được phản hồi tích cực. Nhận được tập thơ của tác giả, những người đọc tri âm, hoặc được tác giả nhờ cậy, yêu cầu, hoặc tự mình thích thú mà viết những lời tựa, bạt, đề từ cho tập thơ. Nội dung của những lời giới thiệu này đa phần thể hiện sự xúc động, hân hoan nhưng dè dặt, cẩn trọng, khiêm nhường khi trình bày quan niệm về thơ và những lời phẩm bình giá trị, chất lượng nghệ thuật của tác phẩm/ tập thơ. Vì vậy, các lời tựa, bạt, đề từ... chính là nguồn tư liệu chủ yếu, quý giá và hết sức phong phú mà nhờ đó, chúng ta có thể tìm hiểu tư tưởng lý luận phê bình văn chương của người xưa cũng như có thể xác định được sự tồn tại, vai trò quan trọng và đặc điểm của kiểu hình người đọc tri âm.

Qua các văn bản tựa, bạt, đề từ... do những người bạn của tác giả viết và đặt ở các vị trí đầu hoặc cuối của tác phẩm/ tập thơ, chúng ta biết rằng những người đọc tri âm này thường mang một đặc điểm chung phổ biến là những người có kiến thức uyên bác, có trình độ sáng tác thơ ca xứng tầm, có con mắt tinh tế để phát hiện cái hay, cái đẹp, cái sâu sắc của thơ ca và quan trọng nhất, họ là những người có tâm hồn đồng điệu với tác giả nhờ quá trình xướng họa trao đổi, gần gũi, thân thiết lâu dài hoặc đã



ngưỡng mộ từ trước nên xúc động, mừng rỡ khi có cái duyên bất ngờ hội ngộ qua thơ. Đó là những kẻ “uống rượu gặp tri kỷ, thơ hướng đến chỗ chung đúc tính tình” (Nguyễn Nghiễm, *Tựa Quân trung liên vịnh tập*), “tâm đầu ý hợp, gặp nhau ngâm câu thơ, uống chén rượu” (Ngô Thì Sĩ, *Tựa Gọi trung thu đến thường trăng*), hoặc “đã cùng giao du hơn 20 năm, xướng họa qua lại” (Phạm Nguyễn Du, *Tựa Tây Hưng đạo sử tập*), hoặc “ngẫu nhiên cùng làm việc nên khế hợp với nhau sâu sắc” (Hồ Sĩ Đống, *Tựa Sứ Hoa tòng vịnh*), hoặc tác giả và người tri âm cùng tìm thấy một chí hướng qua tình yêu với trúc (Trần Thế Xương, *Tựa Phong trúc tập*), hoặc người tri âm từ “lúc nhỏ đã được nghe danh tiếng” rồi “đem lòng ái mộ” tác giả nhưng phải mãi đến sau này mới có duyên đọc được tác phẩm của người mình ái mộ nên sung sướng, phấn khích mà cũng hết lòng cẩn trọng khi viết lời bình phẩm cho thơ (Phạm Quý Thích, *Tựa Đản Trai công thi tập*)...

Những người như vậy hẳn nhiên là rất khó tìm được trong đời. Khi viết bài *Tựa Hoa trình học bộ thi tập*, Ninh Tồn đã ghi nhận thực tế đó bằng một tấm gương xưa: “Ba ngàn học trò, Khổng Tử chỉ cho Thương (Tử Hạ), Tứ (Tử Cống) là có thể cùng nói chuyện thơ. Thơ khó nói như vậy đã lâu rồi”. Nguyễn Hành thì hết lời than thở, rằng: Nhà thơ “kêu bằng văn chương chữ nghĩa” nhưng “ai là người nghe thấy được” cái “âm thanh đặc biệt” vang lên từ cõi lòng nhà thơ, “lại có thể họa theo được, để nối tiếp tiếng kêu ấy mà kêu lên?” để “ở trên trời”, nhà thơ “nghe được tiếng kêu của

họ?” (Lời dẫn *Minh quyền phá*). Với những mối tình tri âm xuyên không- thời gian, nỗi hờn kim cổ của nàng Tiểu Thanh may ra/hiếm hoi lắm cũng chỉ một Tố Như là có thể thấu hiểu và an ủi được người khách phong vận xưa khi lặng lẽ khóc với những mảnh thơ tàn. Có điểm qua thực tiễn sáng tác và phê bình thơ ca Việt Nam thời trung đại mới hiểu rõ tâm sự của Nguyễn Trãi khi viết câu thơ “Người tri âm ít, cầm nên lặng” (*Tự thuật 10*), một cách nói gợi nhớ quan điểm của Lữ Hiệp trong *Văn tâm điều long*: “Tri âm thực khó thay! Âm thực khó tri mà người tri âm thực khó gặp. Gặp được tri âm là sự nghìn năm có một”<sup>2</sup>.

Vì người đọc tri âm khó tìm nên sự gặp gỡ của những tiếng lòng đồng điệu phải cần đến cái duyên bèo nước, đến “con mắt xanh” may mắn mới phát hiện, rồi nổi kết trong lúc hội ngộ tình cờ. Khi viết bài *Tựa sau Tam chi Việt đông thi tập*, Đỗ Tuấn Đại cảm thán rằng: “Ôi, bỏ ngoài hình hài để kết bạn chừ nay được mấy người, bèo nước gặp nhau chừ, đâu chẳng duyên xưa”. Phan Thanh Giản thì xúc động nhớ lại mối tình tri âm của mình kể từ lúc “vinh hạnh có được cuốn *Học văn dư tập* của Diên Phương Trương tiên sinh, vui thích đọc liền một hơi không rời tay”, “kính cẩn ngưỡng mộ tiên sinh, mong được ra mắt nơi long môn”, mãi về sau mới “có dịp ra mắt tiên sinh được một lần” may mắn “được lọt vào mắt xanh” nhưng cũng phải đợi đến dịp “làm việc ở Nội các cùng tiên sinh”, “gần gũi trao đổi” mới “thực sự nhận ra cái chí khí to lớn, cái sở học sâu rộng, cái tài năng kỳ diệu của tiên sinh” (*Tựa Học văn dư tập*).



Cơ duyên tri ngộ bất ngờ, hiểm hoi hay cái tình giao du suốt mấy chục năm gần bó thắm thiết khiến cho người đọc tri âm luôn cảm thấy xúc động, hãnh diện khi được tác giả tin tưởng, gửi gắm đưa con tinh thần cho mình thưởng thức, phẩm bình nên việc tiếp nhận được quan trọng hóa, được thực hiện một cách nghiêm túc và thái độ trân trọng, dè dặt. Nhận được tác phẩm/ tập thơ, người đọc tri âm nào là phải “nghiêm mật, sửa áo, đốt trầm mở đọc” (Vương Duy Trinh, *Tựa Liên đàn kê thi loại biên*), nào là “xắn tay áo, đọc đi đọc lại ba lần... nhân khi rồi rã, nghiêm trang đọc sách này, chưa từng rời tay” (Đào Vũ Hương, *Tựa Hàn các quyết khoa thi tập*), nào là “lòng run sợ, nhưng từ chối lại không được... chần chừ ngày tháng, chưa dám vội thêm vào những chỗ dị đồng” (Nguyễn Văn Siêu, *Thơ viết cho Trần Đức Anh*)... Khi viết lời tựa, bạt, đề từ.. để giới thiệu tác phẩm/ tập thơ, người đọc tri âm thường ý tứ viết thêm những dòng “trữ tình ngoại đề” bày tỏ sự khiêm nhường hết mực, nào là “Nhân khi say, tạm cầm bút viết bừa, thực là múa rìu qua mắt thợ, chỉ là gắng gượng đó thôi” (Nguyễn Hàm Ninh, *Bạt Diêu Liên thi tập*), nào là mang “cái thẹn của người tri âm, không thể lấy có quê mùa mà từ chối, bèn kính đề ở đầu sách, để bày tỏ với những người cùng chí hướng thích luận bàn về thơ” (Nguyễn Dưỡng Hạo, *Tựa Phong trúc tập*)...

Người đọc tri âm thường nhấn mạnh, thậm chí đôi lúc có phần cường điệu, ấn tượng, cảm xúc mạnh mẽ của mình khi đọc tác phẩm/ tập thơ, xem đó là một khoảnh khắc bừng sáng của tâm hồn dẫn đến cái

nhìn thấu thị, phát hiện; một cú hích tâm lý t có thể kích hoạt nguồn động lực thôi thúc “ mình không thể không viết ra những lời gan B ruột để bày tỏ sự phát hiện, thấu thị ấy. Đọc r tác phẩm/ tập thơ, họ không dần được lòng C cảm khái, bèn “mua rượu ngồi uống ở nơi C trường đình, cởi áo bồi hồi thưởng thức các t bài thơ... lòng khách cảm thấy xa xăm vời r vợi” (Cao Bá Quát, *Tựa sau Thương sơn thi H tập*), hay thốt nhiên “chạnh niềm băng ngọc C lại thêm cảm nỗi kim lan” (Phan Huy Ích t Tựa bộ sách *Ngô gia văn phái*), “bất giác lòng C rung rung thương xót, trần trở hồi lâu, tựa r như có điều không thể biểu hiện thành tình C cảm thông thường được” (Lê Văn Đức, *Bạt Kính Hải tục ngâm*)... Thậm chí, tâm hồn họ bắt ngờ chao đảo, sùng sốt “như rung rinh nhảy múa, kinh ngạc sợ mừng, thực có cái gì đã lay động tinh thần” (Ngô Thế Vinh Tựa *Dương Mộng tập*); “hoặc kêu hoặc gào, hoặc ca hoặc khóc, những cái ngón ngang dần vật nơi lòng bỗng nhiên bùng sáng, bắt bật lạng tinh” (Ngô Thì Nhậm, *Lời dẫn Hào man ai lục*)...

Vào thời điểm đó, người đọc thơ, bình thơ dường như đã tìm thấy, bắt được những tín hiệu có tần số thích hợp để có thể thực hiện sự nối kết, tương thông kỳ diệu với người làm thơ. Họ đọc thơ mà cảm thấy như người sáng tác cũng “đang khóc nước nỏ, vỗ ngực dậm chân, cười nói miên man, ôn tồn âu yếm, ghen ngào rên rĩ, cảm thán bồi hồi” (Phạm Nguyễn Du, *Tựa tập thơ của Nguyễn Kỳ Trai*)... Họ tự thấy rằng mình như cũng đang hóa thân vào giấc mộng thơ cùng với tác giả, đến mức “mơ và không mơ, ai mà biết được”; họ “viết mấy lời cho



tập thơ về giấc mơ” mà có cảm giác như “cũng là nói mơ về nó mà thôi” (Doãn Uẩn, *Bạt Dương Mộng thi tập*); họ khẳng định rằng: “trong mơ lại xem mơ để tìm sự hiểu biết tốt cùng, há chẳng phải là sự cảm thông đó ư” (Phan Thanh Giản, *Bạt Dương Mộng thi tập*)... Sự chuyển nhập, hóa thân giữa người đọc thơ và người làm thơ vừa là biểu hiện cho trạng thái thăng hoa, cấp độ tốt cùng của sự đồng điệu mà tình tri âm trong thơ có thể đạt tới; vừa cho biết rằng người đọc thơ cũng cần có những khoảnh khắc nhập thân, linh hứng như người làm thơ để có thể viết nên những lời phẩm bình có chất lượng nghệ thuật tương xứng với những vần thơ mà họ cho là tuyệt bút.

Tuy nhiên, cũng cần phải tính đến một thực tế là không phải tập thơ nào đến tay người đọc tri âm cũng là tập thơ hay và không phải bài thơ nào trong tập thơ cũng đều hay. Trong trường hợp này, giải pháp mà người đọc tri âm thường lựa chọn là cố gắng tìm cho ra cái hay để khen tặng và cố ý bỏ qua, không nhắc đến những cái chưa đạt, chưa hay nhằm có thể đền đáp trọn vẹn cái tình tri ngộ với tác giả nhưng vẫn đảm bảo tính trung thực của lời bình phẩm và giữ được nhân cách, tên tuổi của mình. Việc tránh tỏ ý khinh bạc, chê bai, phê phán những chỗ chưa hay trong thơ còn xuất phát từ yêu cầu về tính chất cao nhã, mực thước của văn chương thời trung đại và ý thức sâu sắc về phẩm chất khiêm, cung, cần, thận của kẻ sĩ. Lê Quý Đôn từng lưu ý rằng: “Người ta nên tự xét mình trước, dù là người có tài hơn mọi người trong một thời, cũng không thể cắt đứt được truyền thống người trước.

Nếu chỉ biết khoe khoang, khinh bạc, chê bai không thôi thì thật là quái gở” và “Văn chương là của chung thiên hạ, ý kiến mỗi người mỗi khác, phân tích thì được chứ không nên chê bai”. Nguyễn Phúc Miên Trinh cũng nhấn mạnh sự cẩn thận, dè dặt, tiết chế, chừng mực trong phẩm bình văn chương để tránh hối tiếc về sau: “Tôi không bình tán bằng lời nói phù phiếm, chỉ nói thực sự việc đến chừng mực nhất định. Tôi chỉ mong đánh giá cho đúng đắn không thiên tư, không quá khen ngợi, có thể đặt niềm tin với đời nay mà cũng còn chỗ cho đời sau có thể thay thế được lời nói của mình” (Tựa *Vi dã hợp tập*). Nếu chẳng dặt dờn, người bình thơ thường chọn những cách góp ý tế nhị, theo kiểu phê phán chung chung những nhược điểm thường thấy trong thơ và thói tẻ của người sáng tác thơ đương thời hoặc ngầm ý nhắc nhở trong lời khích lệ theo kiểu: Tập thơ đã tốt rồi nhưng cũng cần tốt hơn nữa. Chẳng hạn, trong lời Tựa *Tàng chuyết thi tập* của Mai Doãn Thường, Lê Hữu Kiều đã khéo léo viết lời khen tặng trước rồi sau đó mới nhấn mạnh thêm rằng: “Tuy nhiên, tôi cũng có điều muốn giải bày cùng ông. Ôi, nghĩa lý không cùng tận, văn chương không bờ bến. Ông đã có hoài bão, sẵn tài hoa, lại không chán nản việc học; đã tinh lại mong đi đến chỗ tinh hơn, đã cao lại mong tiến lên bậc cao hơn. Tứ thơ bay với mây gió, lời thơ mở được núi non, xa có thể ngang vai với các bậc đại gia thời Tam Đường, gần có thể so sánh vẻ đẹp kiệt tác của các danh công ở nước ta. Đây là điều mà tôi mong mỏi ở ông Mai Hồ”.



Vì chỉ chú trọng vào cái hay nên giọng điệu phổ biến trong các lời phê bình thường là tán dương, khích lệ một cách sảng khoái, tâm đắc, nhằm đề cao, tô điểm, làm rõ thêm vẻ đẹp của tác phẩm/ tập thơ. Lời bình của người đọc tri âm trong các bài tựa, bạt, đề dẫn... cũng hết sức trau chuốt, giàu hình ảnh, cảm xúc, ý tứ tế nhị, tao nhã, ngôn từ cô đọng, hàm súc và thường chỉ nêu những cảm nhận chung, khen ngợi trên tinh thần tổng thể, bao quát hơn là đi sâu, giới thiệu chi tiết một vài bài thơ có thể xem là tiêu biểu để làm minh chứng cho cảm nhận của mình, chẳng hạn như: “Thơ ông mênh mông như sông dài đồ biển, cô cao như cánh hạc lưng trời, khí cách của thơ thì già dặn, âm vận thì du dương. Lại có bài như trúc biếc mây xanh, vang trong gió chiều, lướt trong tuyết lạnh, có lẽ đó là những bài thơ bất đắc ý của ông nhưng thực ra nó lại là những bài thơ bất đắc lực của ông vậy” (Phan Huy Chú, *Bạt Dương Mộng tập*), “Thơ ông vừa yêu kiều như thiếu nữ du xuân, vừa hùng hồn như tráng sĩ xung trận” (Phan Trứ, *Tựa Đông Khê thi tập*), “Những bài thơ thuật hoài thì trầm uất, xung phạm mà không vu khoáng, thương cảm mà không thê lương, tiêu tao mà không oán thán. Những bài thơ thù tặc thì đẹp đẽ, điển nhã; những bài thơ phẩm đề thì phong phú mà hùng hồn. Có lẽ là không buông thả mà trở thành mẫu mực một nhà vậy!” (Lê Văn Đức, *Tựa Đông Khê thi tập*)... Đôi chỗ, lời khen tặng có phần khoa trương, cường điệu khi người bình thơ có ý so sánh thơ của bạn mình với thơ của người xưa, kiểu như: “Thơ của ông hùng hồn sâu rộng, khéo đạt tới cái chân cơ, ý tứ tinh

thâm, lời lẽ đẹp đẽ, phong cách phiêu dật như Đào Uyên Minh, câu chữ điêu luyện như Đỗ Tử Mỹ” (Ninh Tồn, *Tựa Hoa trình học bộ thi tập*) hay “Lời thơ rõ ràng mà sâu sắc, nhã nhặn, đi đến chỗ ân cần mà trung hậu. Như thế đã gần với Kinh thi rồi chăng?” (Bùi Trực, *Tựa Nghệ An thi tập*)...

Đặc biệt, sức chi phối phổ quát, sâu sắc của quan niệm thi ngôn chí thể hiện rất rõ trong lối phê bình thơ chú trọng mối quan hệ giữa vẻ đẹp của thơ với vẻ đẹp của tâm hồn người sáng tác thơ. Việc khen thơ kết hợp với khen người làm thơ xuất phát từ quan niệm thơ chính là người, thơ là nơi in đậm dấu ấn tâm hồn, phẩm chất, tài hoa, cá tính... của tác giả, “đọc lời thơ mà như thấy con người” (Trần Cao Đệ, bài dẫn về việc họa thơ của Bình chuẩn sứ Đặng đại nhân). Trong trang cuối tập thơ *Rừng chuối*, Cao Bá Quát viết: “Phẩm chất của người là phẩm chất của thơ. Phẩm chất của người cao thì phẩm chất của thơ cao. Xem người thì có thể biết thơ”. Nguyễn Đức Đạt khẳng định “Văn như con người của nó. Văn thâm hậu thì con người của nó trầm mà tĩnh, văn ôn nhu thì con người của nó khiêm mà hòa; văn cao khiết thì con người của nó đậm mà giản, văn hùng hồn thì con người của nó cương mà nhanh; văn uyên sâu thì con người của nó thuần túy mà đúng đắn” (*Nam Sơn tùng thoại*). Ngô Thì Nhậm thì không tiếc lời ngợi ca vẻ đẹp kỳ vĩ, tráng lệ được miêu tả trong thơ để nhấn mạnh rằng đó là những hình ảnh được khúc xạ qua một hồn thơ lớn lao là sự trình hiện con người và cá tính mạnh mẽ của nhà thơ: “Ngũ sắc văn chương của trời đất dệt thành một bức gấm, một trăn



tám vạn âm của tầng trời Thái Thanh gõ lên thành một tiếng, ánh sáng rực rỡ của ba chòm sao và hai mươi tám vì tinh tú tụ lại thành một tinh cầu, nước của trăm sông ngàn suối dồn về thành vụng lớn, không phải là hạng người có đại lực, đại tâm tư, đại kinh vĩ thì không đương nổi như thế” (Tựa *Cẩm Đường thi tập*). Khen thơ kết hợp với việc khen người làm thơ là một cách để thể hiện sự đồng điệu, sẵn sàng chia sẻ giữa người đọc tri âm với người sáng tác, bởi tiêu chí quan trọng để một tình bạn thông thường có thể đạt tới mức độ tri âm là người đọc thơ, bình thơ phải thấu hiểu được hoài bão, tính cách và sẵn lòng chia sẻ uẩn khúc day dứt, trăn trở sâu kín trong tâm hồn người làm thơ, những điều vốn không thể nói hết qua câu chữ.

Tính cao nhã, quy phạm của thơ xưa đòi hỏi người đọc tri âm với tư cách “siêu người đọc”, “người đọc lý tưởng” không chỉ cần có con mắt tinh tế, tâm hồn nhạy cảm, tầm đón nhận, trình độ sáng tác, cảm thụ, thẩm định tác phẩm ở đẳng cấp tương xứng mà còn đòi hỏi tình cảm thiết tha trân quý, sự tương thông, hòa hợp trọn vẹn về hoài bão, chí khí, nhân cách... với người sáng tác. Do những yêu cầu có tính chất lý tưởng này mà lối phê bình của người đọc tri âm trong thơ ca trung đại Việt Nam thường không tránh khỏi bị chi phối sâu sắc bởi ấn tượng, cảm xúc đậm tính chủ quan, thậm chí đôi khi không tránh khỏi cái nhìn khuôn sáo, phiến diện, xu hướng tán dương, đề cao cực đoan. Tuy nhiên, xét đến cùng, trong bối cảnh đặc thù của văn chương trung đại Việt Nam, kiểu hình người đọc này vẫn đóng vai trò

quan trọng trong việc ghi nhận, thẩm định giá trị của những thành tựu văn chương một thời đại, giúp nâng tầm của tác phẩm và nhà thơ thông qua những phản hồi tích cực.

Bước vào thời kỳ hiện đại, khi tác phẩm được phổ biến với số lượng ấn bản lớn; khi độc giả được mở rộng ở nhiều đối tượng, tầng lớp với tầm đón nhận đa dạng, phức tạp; khi phê bình văn học đã phát triển thành một lĩnh vực có tính chất khoa học... kiểu hình người đọc tri âm với lối phê bình đậm chất trực cảm, say sưa bay bổng cùng những ấn tượng chủ quan, thành thực khốc cười cùng vẻ đẹp tao nhã trong thơ xưa hẳn nhiên phải dần dần nhường lại vai trò chủ lực cho một kiểu hình người đọc lý tưởng khác. Đó là những người phê bình chuyên nghiệp với cái nhìn tỉnh táo, khách quan, có thể giải quyết thỏa đáng, hài hòa hơn mối quan hệ giữa tình cảm với lý trí trong việc thẩm bình tác phẩm, định hướng độc giả và có xu hướng tiếp cận các trường phái lý luận phê bình phương Tây ngày càng sâu rộng hơn. ■

### Chú thích:

<sup>1</sup> Tất cả trích dẫn từ các bài tựa, bạt, đề từ... trong bài viết này đều được dẫn từ *Mười thế kỷ bàn luận về văn chương*, tập 1 (2007) do nhóm tác giả Phan Trọng Thường, Nguyễn Cừ, Vũ Thanh, Trần Nho Thìn sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu, NXB Giáo dục, Hà Nội và *Tuyển tập thi luận Việt Nam thời trung đại (thế kỷ X-XIX)* (2015) do Nguyễn Thanh Tùng biên soạn, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

<sup>2</sup> Lưu Hiệp. *Văn tâm điều long* (Trần Thanh Đạm, Phạm Thị Hào dịch). NXB Văn học, 2007, tr. 528.